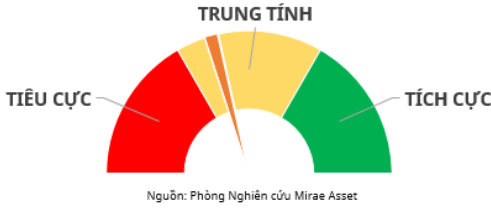


24 Tháng Sáu 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,185.48	-2.61	-3.88	-14.08
HNX	275.93	-1.48	-9.82	-12.43
UPCOM	87.10	0.00	-6.46	-2.87
MSCI EM	995.34	-0.93	-2.13	-27.21
NIKKEI	26,491.97	2.04	-0.96	-8.25
HANG SENG	21,682.61	2.88	7.81	-24.93
KOSPI	2,366.60	-3.05	-9.18	-27.98
FTSE	7,067.25	0.73	-5.57	-0.60
S&P 500	3,795.73	0.15	-3.70	-11.03
NASDAQ	11,232.19	1.20	-0.29	-21.83

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	12.9	2.0	15.6
SET INDEX	16.8	1.2	9.2
JCI INDEX	15.1	2.1	13.2
PCOMP INDEX	17.8	1.5	9.0

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.40	1	3	130
10 năm	3.29	-2	17	108

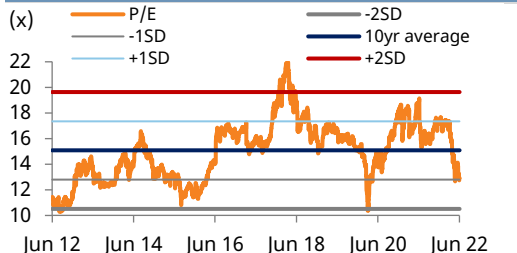
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,252	-0.09	-0.27	-1.04
US\$/KRW	1,298	-0.83	-2.47	-12.60
US\$/JPY	135	0.24	-5.84	-17.69
US\$/EUR	0.95	-0.26	2.03	13.39
US\$/GBP	0.82	-0.27	2.27	13.62
US\$/SGD	1.39	0.14	-1.20	-3.28

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	362	590	940
HNX	45	71	124
UPCOM	27	49	72

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Tiếp tục diễn biến giảm điểm, VN-Index trở lại vùng đáy của năm

Ngưỡng cân bằng 1.200 đã bị xuyên thủng ngay phiên đầu tuần, đáng chú ý khi áp lực bán đã tăng mạnh khi VN-Index mất 1.200 kéo phiên đầu tuần giảm gần 37 điểm. Chỉ số tiếp tục giảm điểm trong 2 phiên tiếp theo và kiểm định vùng đáy cũ tại 1.156 - 1.160. Điểm tích cực trong tuần là diễn biến hồi phục của VN-Index tại vùng đáy cũ, nhịp hồi phục đã giúp chỉ số chốt tuần tại 1.185,48. So với cuối tuần trước VN-Index để mất 31,82 điểm (-2,61%).

GAS là cổ phiếu ảnh hưởng lớn nhất đến đà giảm điểm của VN-Index khi giảm 14,9% kéo chỉ số giảm 10 điểm. Tiếp theo là VIC và VHM với mức ảnh hưởng -3,5 điểm và -3,1 điểm đến VN-Index. Trong top 10 ảnh hưởng tiêu cực, 2 cổ phiếu ngành điện là POW và REE cũng ghi nhận mức giảm mạnh lần lượt 15,5% và 13,1%. Chiều tăng điểm VNM với mức tăng 7,6% trong tuần đã giúp VN-Index tăng 2,8 điểm.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng gần 300 tỷ đồng trong tuần, GAS dù giảm mạnh nhưng là mã được khối ngoại mua vào hơn 210 tỷ đồng và trở thành cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất, tiếp theo là STB với giá trị mua ròng hơn 186 tỷ đồng. Bên phía bán ròng, HPG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với giá trị 441 tỷ đồng.

Đà rơi của VN-Index đã mạnh hơn khi mốc 1.200 bị xuyên thủng, ở góc độ kỹ thuật việc VN-Index duy trì được vùng đáy trước đó (1.150 - 1.160) là tín hiệu tích cực giúp tâm lý NĐT ổn định hơn. Trong tuần sau chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục kiểm định ngưỡng này và chúng tôi đánh giá đây là diễn biến quan trọng cho xu hướng trung hạn của VN-Index. VN-Index đang có mức P/E là 13,2x. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức **-2 (TRUNG TÍNH)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	5	KHẢ QUAN
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 3.070 tỷ đồng TPCP, tương đương 68,2% tổng khối lượng gọi thầu. Tỷ lệ chào mua/ gọi thầu giữ nguyên mức 1,4 lần. Cụ thể kỳ hạn 10 năm gọi thầu thành công 1.500/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,46% (+3 bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 1.570/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,76% (+3 bps) trong khi kỳ hạn 30 năm đã thất bại toàn bộ.
- Ngày 29/06 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 4.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 20 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tuần từ 15/06 – 22/06 trên thị trường liên ngân hàng, duy nhất lãi suất O/N duy trì mức 0,37%. Các kỳ hạn còn lại đều tăng so với tuần trước, cụ thể các kỳ hạn 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng lần lượt tăng lên các mức 1,01% (+9 bps), 1,56% (+11 bps), 2,63% (+15 bps), 3,76% (+61 bps) và 4,45% (+19 bps).
- Tỷ giá VND/USD của NHNN tại ngày 24/06 đã tăng 0,069% lên mức 23.105 VND/USD. Tỷ giá NHTM ghi nhận biến động cùng chiều lên mức 23.080 – 23.390 VND/USD, tương ứng mức tăng 0,043% chiều mua và chiều bán. Trên thị trường tự do giao dịch ở mức 23.940 – 23.970, tăng 0,125% ở chiều mua và 0,588% ở chiều bán.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (24/06/2022)	1.185	Kháng cự 1 1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.250
Xu hướng trung hạn (1 - 3 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.150
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.050

Việc VN-Index duy trì được vùng đáy trước đó (1.150 - 1.160) là tín hiệu tích cực giúp tâm lý NĐT ổn định hơn. Trong tuần sau chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục kiểm định ngưỡng này và chúng tôi đánh giá đây là diễn biến quan trọng cho xu hướng trung hạn của VN-Index.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

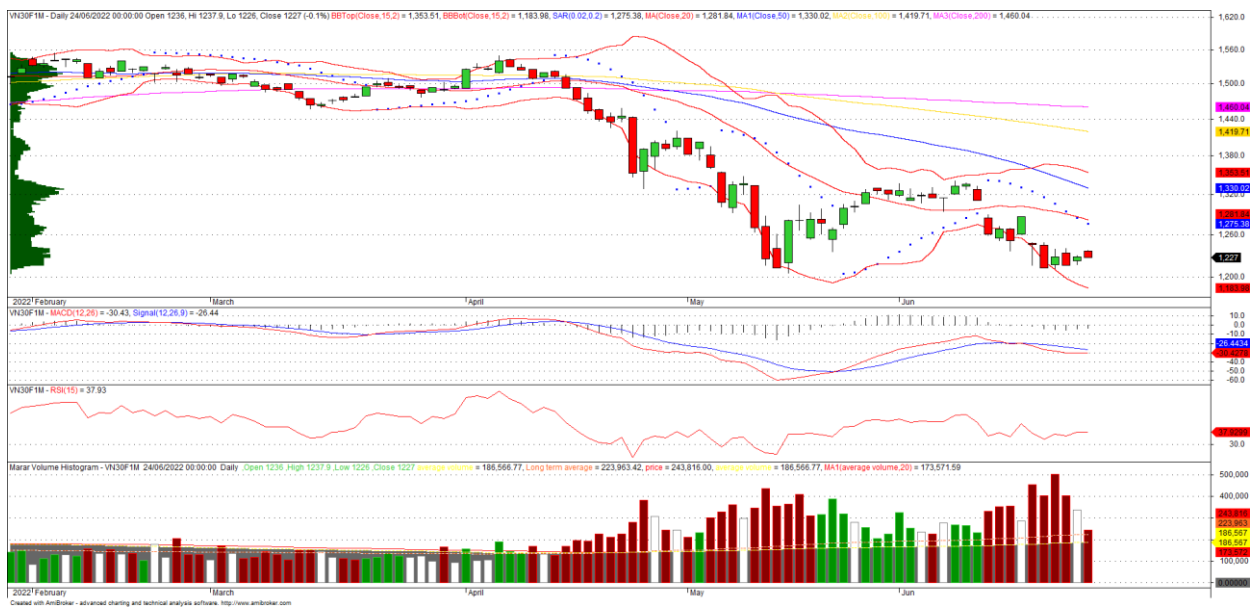
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (24/06/2022)	1.227	Kháng cự 1 1.260
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2 1.280
VN30 - đóng cửa	1.235	Hỗ trợ 1 1.240
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-8,5	Hỗ trợ 2 1.210

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

VN30F1M đang giằng co và đi ngang tích lũy tại vùng giá thấp. Tuy nhiên, nhà đầu tư không nên tham gia thị trường mở vị thế trong giai đoạn này khi mà xu hướng vẫn chưa xác định.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	N/A	+ Long	N/A
+ Stop loss (Cắt lỗ)	N/A	+ Stop loss (Cắt lỗ)	N/A
+ Take profit (Chốt lời)	N/A	+ Take profit (Chốt lời)	N/A

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ - MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
----	-------	--------------	--------------	-----------------------	------------------------	---------------------

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
STB	21.2	14,077,695	4	KHẢ QUAN	39,967	10.1	1.1	298
PDR	52.5	2,076,025	4	KHẢ QUAN	35,261	18.9	4.8	109
VJC	128.3	701,590	4	KHẢ QUAN	69,489	355.0	4.1	90
HAG	8.08	10,095,020	4	KHẢ QUAN	7,493	14.6	1.6	82
HCM	19.9	3,711,950	4	KHẢ QUAN	9,099	7.6	1.2	74
VPI	63.2	1,036,410	4	KHẢ QUAN	13,904	34.3	4.5	66
PNJ	122	1,256,635	3	TRUNG TÍNH	29,569	22.4	3.7	153
VGC	53	1,721,680	3	TRUNG TÍNH	23,763	14.4	3.1	91
HPG	21.8	23,009,250	2	TRUNG TÍNH	126,763	3.8	1.3	502
DXG	20.5	10,257,225	2	TRUNG TÍNH	12,454	13.6	1.4	210
TCB	35.5	4,911,195	2	TRUNG TÍNH	124,637	6.5	1.3	174
IDC	51	2,187,040	2	TRUNG TÍNH	15,300	23.3	3.7	112
SHB	13.5	6,732,650	2	TRUNG TÍNH	36,003	5.6	1.0	91
AAA	11.8	4,120,225	2	TRUNG TÍNH	3,852	12.0	0.8	49
FLC	4.63	7,810,375	2	TRUNG TÍNH	3,287	#N/A N/A	0.4	36
BVH	54.8	1,616,850	1	TRUNG TÍNH	40,679	21.7	1.9	89
GMD	52	3,461,575	0	TRUNG TÍNH	15,672	23.1	2.4	180
VNM	71.5	1,926,765	0	TRUNG TÍNH	149,432	16.3	4.6	138
HDG	54.8	2,178,720	0	TRUNG TÍNH	11,170	10.6	2.4	119
CTG	24.75	3,766,535	0	TRUNG TÍNH	118,942	9.7	1.2	93
LPB	13.2	6,270,555	0	TRUNG TÍNH	19,847	6.0	1.0	83
CII	16.85	4,346,545	0	TRUNG TÍNH	4,250	13.3	0.8	73
BID	31.2	1,054,030	0	TRUNG TÍNH	157,826	13.8	1.8	33
SSI	18.6	16,414,625	-2	TRUNG TÍNH	27,717	6.5	1.3	305
DIG	35.05	8,177,130	-2	TRUNG TÍNH	17,521	16.6	2.3	287
VPB	28.15	9,875,000	-2	TRUNG TÍNH	125,140	7.3	1.4	278
VND	17.2	15,988,950	-2	TRUNG TÍNH	20,947	5.0	1.3	275
DPM	52.8	5,144,355	-2	TRUNG TÍNH	20,662	4.1	1.7	272
DCM	36.15	7,041,205	-2	TRUNG TÍNH	19,058	6.4	2.1	255
GEX	19	11,122,050	-2	TRUNG TÍNH	16,178	14.1	1.3	211
VHC	90	2,335,310	-2	TRUNG TÍNH	16,504	10.8	2.6	210
MBB	23.7	8,335,440	-2	TRUNG TÍNH	89,546	6.5	1.4	198
HAH	72.1	2,390,405	-2	TRUNG TÍNH	4,924	9.0	2.9	172
VCI	33.7	4,585,835	-2	TRUNG TÍNH	11,290	6.9	1.6	155

REE	85.8	1,648,615	-2	TRUNG TÍNH	30,494	14.3	2.2	141
HSG	15.9	8,748,580	-2	TRUNG TÍNH	7,846	2.2	0.7	139
NKG	17.3	7,548,810	-2	TRUNG TÍNH	4,555	1.8	0.7	131
CEO	26.7	4,743,545	-2	TRUNG TÍNH	6,871	46.8	2.3	127
SHS	14.2	8,469,480	-2	TRUNG TÍNH	5,334	4.6	1.1	120
HUT	25.1	4,328,865	-2	TRUNG TÍNH	8,751	47.8	2.2	109
HBC	17.35	5,396,305	-2	TRUNG TÍNH	4,262	38.7	1.2	94
NLG	36.3	2,568,375	-2	TRUNG TÍNH	13,786	19.0	1.6	93
DGW	119.5	746,035	-2	TRUNG TÍNH	10,826	13.9	5.3	89
KBC	30.1	2,869,165	-2	TRUNG TÍNH	23,105	34.8	1.6	86
BCG	14.15	5,518,305	-2	TRUNG TÍNH	7,122	6.4	1.1	78
TPB	26	2,722,250	-2	TRUNG TÍNH	41,126	7.9	1.5	71
VCG	19.3	3,436,710	-2	TRUNG TÍNH	8,525	10.2	1.3	66
ACB	23.8	2,743,975	-2	TRUNG TÍNH	80,383	7.7	1.7	65
VIX	9.12	7,065,810	-2	TRUNG TÍNH	5,009	4.4	0.8	64
MIG	24.5	2,125,800	-2	TRUNG TÍNH	4,029	15.8	2.2	52
PLX	40.8	1,222,425	-2	TRUNG TÍNH	51,840	20.9	2.0	50
GVR	22.75	1,933,520	-2	TRUNG TÍNH	91,000	20.7	1.8	44
HDC	36.35	1,210,045	-2	TRUNG TÍNH	3,929	11.8	2.6	44
KSB	25.95	1,677,360	-2	TRUNG TÍNH	1,980	9.2	1.1	44
VSC	44.3	977,930	-2	TRUNG TÍNH	4,884	12.1	1.8	43
TCH	10.55	4,074,185	-2	TRUNG TÍNH	7,050	13.7	0.8	43
HQC	4.03	10,453,765	-2	TRUNG TÍNH	1,921	236.6	0.4	42
PET	37	1,104,555	-2	TRUNG TÍNH	3,324	11.6	1.8	41
LCG	10.5	3,889,640	-2	TRUNG TÍNH	1,810	9.2	0.8	41
DBC	18.2	2,123,510	-2	TRUNG TÍNH	4,404	9.3	0.9	39
SCR	9.05	4,225,760	-2	TRUNG TÍNH	3,316	15.9	0.7	38
SZC	43.6	835,435	-2	TRUNG TÍNH	4,360	15.8	3.1	36
PHR	64.9	545,235	-2	TRUNG TÍNH	8,794	12.8	2.7	35
VIB	20.6	1,688,875	-2	TRUNG TÍNH	43,418	6.5	1.7	35
SBT	15.75	2,206,170	-2	TRUNG TÍNH	10,066	14.0	1.2	35
FCN	12.8	2,637,120	-2	TRUNG TÍNH	2,015	35.9	0.8	34
TCM	46.5	701,630	-2	TRUNG TÍNH	3,811	29.2	2.2	33
BSR	27.8	21,835,844	-4	TIÊU CỰC	86,814	13.3	2.3	607
PVS	24	13,586,850	-4	TIÊU CỰC	11,471	17.0	1.0	326
DGC	122.6	2,187,745	-4	TIÊU CỰC	45,514	14.1	6.2	268
FPT	85.5	2,384,400	-4	TIÊU CỰC	93,797	19.9	4.9	204
GAS	114	1,787,835	-4	TIÊU CỰC	218,190	22.3	4.0	204
MWG	71.9	2,582,125	-4	TIÊU CỰC	105,241	20.5	4.7	186
PVD	17	10,115,880	-4	TIÊU CỰC	8,591	150.9	0.6	172
FRT	90.7	1,573,425	-4	TIÊU CỰC	10,745	18.6	5.9	143
VIC	74.6	1,785,320	-4	TIÊU CỰC	284,520	#N/A N/A	2.7	133
ANV	57	2,148,750	-4	TIÊU CỰC	7,246	26.7	2.9	122
MSN	109.5	1,003,895	-4	TIÊU CỰC	155,898	15.6	5.6	110
IDI	21.7	4,582,355	-4	TIÊU CỰC	4,940	15.6	1.5	99
ASM	15.2	5,565,070	-4	TIÊU CỰC	5,115	7.4	1.0	85
KDC	61.7	1,347,455	-4	TIÊU CỰC	15,525	25.3	2.4	83
PVT	19.2	4,132,985	-4	TIÊU CỰC	6,214	9.2	1.2	79

NT2	24.3	3,040,400	-4	TIÊU CỰC	6,995	12.6	1.6	74
ITA	8.92	7,847,095	-4	TIÊU CỰC	8,370	37.9	0.8	70
GEG	22.75	2,581,135	-4	TIÊU CỰC	7,324	20.8	2.1	59
PAN	20.6	2,145,435	-4	TIÊU CỰC	4,303	12.3	1.0	44
CMX	17.2	2,341,025	-4	TIÊU CỰC	1,562	11.6	1.4	40
GIL	54	741,885	-4	TIÊU CỰC	3,240	6.1	1.4	40
PVC	17	2,284,780	-4	TIÊU CỰC	850	393.5	1.2	39
NVL	74	2,755,520	-5	TIÊU CỰC	144,284	34.1	4.0	204
POW	13.55	24,003,000	-6	TIÊU CỰC	31,732	15.8	1.1	325
VHM	63.2	3,130,100	-6	TIÊU CỰC	275,196	7.2	2.1	198
TNG	29.8	3,867,060	-6	TIÊU CỰC	2,983	11.0	2.1	115
PC1	38.1	2,764,180	-6	TIÊU CỰC	8,960	11.8	1.9	105
CTR	63.1	686,365	-6	TIÊU CỰC	7,218	18.4	5.1	43
CSV	46.8	745,985	-6	TIÊU CỰC	2,069	7.8	1.7	35
VCB	75	911,315	-7	TIÊU CỰC	354,939	15.4	3.0	68
VRE	27.55	2,051,240	-7	TIÊU CỰC	62,602	68.7	2.0	57
HDB	23	2,020,150	-7	TIÊU CỰC	46,281	7.1	1.5	46
VGT	17.6	2,103,415	-7	TIÊU CỰC	8,800	11.2	1.3	37

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Nhà đầu tư bán mạnh vàng sau tuyên bố của chủ tịch Fed

Ở thời điểm cuối phiên giao dịch ngày thứ Năm, giá vàng để mất thành quả tăng trước đó khi mà đồng USD tăng giá do chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell nói nhiều hơn đến khả năng siết chặt chính sách tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát.

Đóng cửa phiên giao dịch, giá vàng giao ngay giảm 0,8% xuống còn 1.822,6USD/ounce. Giá vàng giao hợp đồng tương lai trên thị trường Mỹ giảm 0,5% xuống 1.829,8USD/ounce.

Sau khi ông Powell nói rằng cam kết kiềm chế lạm phát của Fed là vô điều kiện, đồng USD khôi phục lại đà tăng giá chính vì vậy sức hấp dẫn của vàng giảm bớt. Đồng USD mạnh khiến cho vàng trở nên đắt đỏ đối với nhà đầu tư sở hữu các loại tiền tệ khác.

Trong khi vàng vẫn được coi như công cụ ngừa lạm phát trong bối cảnh kinh tế có nhiều bất ổn, lãi suất cao thường đẩy tăng lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ và vì vậy làm tăng chi phí nắm giữ tài sản không mang lại lợi suất trái phiếu.

Giá dầu tiếp tục giảm trước quan ngại suy thoái

Giá dầu giảm trong phiên giao dịch 23/6 sau khi đích thân Chủ tịch Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell xác nhận khả năng suy thoái của kinh tế Mỹ sau những đợt tăng lãi suất liên tiếp.

Giá dầu Brent tương lai giảm 1,69 USD, tương đương 1,5%, xuống 110,05 USD/thùng. Giá dầu WTI tương lai giảm 1,92 USD, tương đương 1,8%, xuống 104,27 USD/thùng.

Ông Powell trước đó cho biết nhiệm vụ kéo giảm lạm phát là “vô điều kiện” và thị trường lao động vẫn tương đối “nóng”, làm gia tăng khả năng sẽ xuất hiện thêm nhiều đợt tăng lãi suất trong thời gian tới.

Vừa khởi động lại kênh hút tiền, NHNN đã rút gần 50.000 tỷ ra khỏi hệ thống

Cụ thể, sau phiên chào thầu tín phiếu quy mô 10.000 tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày và chỉ có 200 tỷ đồng khớp (hút về) với lãi suất trúng thầu 0,3%/năm vào ngày 21/6, thì liên tiếp trong phiên 22/6 và 23/6, NHNN đã hút về lần lượt 19.400 tỷ và gần 30.000 tỷ với lãi suất lên tới 0,7% dù cùng loại tín phiếu kỳ hạn 7 ngày.

Như vậy, đã có gần 50.000 tỷ đồng trong hệ thống ngân hàng được NHNN hút bớt về thông qua kênh tín phiếu chỉ trong 3 phiên giao dịch vừa qua. Con số này đi cùng lãi suất trúng thầu tăng mạnh trong 2 phiên gần nhất cho thấy hoạt động hút tiền của nhà điều hành là rất quyết liệt.

Nếu tính thêm lượng tiền hút về qua kênh bán ra ngoại tệ kỳ hạn, lượng thanh khoản mà Ngân hàng Nhà nước đã và dự kiến rút ra khỏi hệ thống là rất lớn.

Báo cáo phân tích mới công bố của các công ty chứng khoán cho biết, NHNN đã bán ra khoảng 7 tỷ USD qua phương thức kỳ hạn 3 tháng không hủy ngang. Con số này theo cập nhật của một chuyên gia phân tích đã lên tới khoảng 11 - 12 tỷ USD, tương đương 256.000 - 279.000 tỷ VND sẽ được rút về khi tới kỳ hạn thanh toán.

UOB: Ngân hàng Nhà nước có thể khởi đầu chu kỳ tăng lãi suất từ quý II/2023 hoặc sớm hơn

Theo báo cáo Triển vọng toàn cầu (Global Outlook) quý III/2022 của Bộ phận Kinh tế toàn cầu và Nghiên cứu thị trường của Ngân hàng UOB, nhóm nghiên cứu đánh giá đồng VND tiếp tục xu hướng giảm trong bối cảnh Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục tăng lãi suất.

Với triển vọng không chắc chắn từ môi trường địa chính trị và bối cảnh lạm phát trong nước tiếp tục được quản lý tốt, UOB cho rằng Ngân hàng Nhà nước có đủ khả năng để giữ ổn định lãi suất chính sách ngay từ bây giờ để hỗ trợ các nỗ lực phục hồi kinh tế.

Nhóm nghiên cứu cho biết lãi suất tái cấp vốn hiện tại ở mức 4% và lãi suất tái chiết khấu là 2,5% sẽ được duy trì ở mức thấp kỷ lục này cho đến ít nhất là cuối năm 2022. Tuy nhiên, với động thái quyết liệt hơn trong việc thắt chặt chính sách từ Fed, ngân hàng UOB dự đoán Ngân hàng Nhà nước sẽ có xu hướng khởi đầu chu kỳ tăng lãi suất từ quý II/2023 hoặc sớm hơn, nếu đà tăng trưởng vẫn tiếp tục duy trì và các rủi ro bên ngoài đáng quan ngại hơn.

Từ động thái tăng lãi suất quyết liệt của Fed và lo ngại về sự suy thoái sâu hơn của Trung Quốc, đồng VND không đứng ngoài xu thế giảm giá của các đồng tiền châu Á. Tỷ giá USD/VND đã tăng khoảng 1,7% trong quý II lên 23.215, cao nhất từ tháng 8/2020. Được hỗ trợ bởi triển vọng tăng trưởng mạnh và lạm phát trong nước vẫn được kiểm soát, xu hướng giảm của VND là khiêm tốn khi so sánh với Chỉ số các đồng tiền châu Á (ADXY) đã giảm hơn 4% trong quý.

6 tháng đầu năm, CII ước lãi ròng 700 tỷ đồng, hoàn thành 93% kế hoạch năm, dự chi 2.800 tỷ đồng trả nợ gốc trái phiếu trước hạn

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh vừa công bố một số cập nhật nhanh về tình hình hoạt động của công ty trong 6 tháng đầu năm 2022.

Theo đó, hoạt động thu phí giao thông của CII có sự tăng trưởng đáng kể, tổng doanh số thu phí ước đạt khoảng 710 tỷ đồng (tăng 28% so với cùng kỳ). Dự án cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận đã hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng từ tháng 4 và dự kiến sẽ bắt đầu được thu phí hoàn vốn từ quý 3/2022. Việc giảm tỷ lệ tại công ty con, thu hồi vốn đầu tư diễn ra đúng kế hoạch. Các dự án bất động sản đang trong giai đoạn hoàn thiện có thể được ghi nhận trong nửa cuối năm.

Nhìn chung, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ CII cho 6 tháng đầu năm ước đạt hơn 700 tỷ đồng, hoàn thành khoảng 93% kế hoạch lợi nhuận cho cả năm 2022. EPS 6 tháng đầu năm của CII đạt khoảng 2.800 đồng/cp.

Vietnam Airlines dự kiến lỗ gần 10.000 tỷ năm 2022, muốn được bán vốn công ty con

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ của Vietnam Airlines (HoSE: HVN), hãng hàng không này lên kế hoạch năm nay với doanh thu công ty mẹ 45.252 tỷ đồng, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù doanh thu tăng nhưng công ty vẫn dự kiến sẽ lỗ ròng 9.335 tỷ đồng trong năm nay, giảm 23,5% so với khoản lỗ năm trước. Ngoài ra, Vietnam Airlines cũng sẽ phân đầu vận chuyển 17 triệu khách cùng 271.200 tấn hàng hóa.

Hãng hàng không này cũng trình cổ đông thông qua bổ sung điều lệ về việc chuyển nhượng vốn ra ngoài Vietnam Airlines. Cụ thể, việc chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài công ty, bao gồm cả việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vào CTCP, công ty TNHH thực hiện theo quy định, đảm bảo các nguyên tắc tuân thủ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước; phản ánh đầy đủ giá trị doanh nghiệp bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất và bảo đảm nguyên tắc thị trường.

Với việc bổ sung điều lệ trên, nhiệm vụ trọng tâm của Vietnam Airlines năm nay đó chính là tập trung vào việc tái cơ cấu danh mục đầu tư. Trong đó doanh nghiệp hàng không này sẽ hoàn thành việc tái cơ cấu Pacific Airlines, thanh lý tài sản, bán và cho thuê máy bay, tái cơ cấu nguồn vốn thông qua phát hành thêm cổ phiếu và trái phiếu, cùng với đó là chuyển nhượng, thoái vốn tại một số doanh nghiệp thành viên. Hiện Vietnam Airlines có 19 công ty con và 2 công ty liên kết.

Hóa chất Đức Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhà máy phân bón tại Đắk Nông

Ngày 22/6, công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đắk Nông, công ty con của Tập Đoàn Hóa chất Đức Giang (HoSE:DGC), được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư xây dựng dự án nhà máy sản xuất phân bón Đức Giang - Đắk Nông. Nhà máy được xây dựng để sản xuất phân bón NPK với công suất 200.000 tấn sản phẩm/năm và sản xuất phân bón kali sunfat với công suất 4.800 tấn sản phẩm/năm.

Dự án có vị trí tại lô CN16-2 khu công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút. Diện tích đất sử dụng là 77.445,9 m². Tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng tương đương khoảng 12,9 triệu USD, do công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đắk Nông góp 100% vốn.

Nhà máy sẽ hoạt động theo thời hạn hoạt động của khu công nghiệp Tâm Thắng, là từ ngày cấp giấy chứng nhận lần đầu tới ngày 28/10/2052. Dự án đã hoàn thành việc góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản từ tháng 6 năm nay đến tháng 6/2023 đưa vào hoạt động.

Chủ tịch Sao Ta: Lợi nhuận nửa đầu năm tăng 45%, cả năm chắc chắn hoàn thành kế hoạch

Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), 5 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 4,6 tỷ USD, tăng 42% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, riêng xuất khẩu cá tra 1,2 tỷ USD, tăng 90% và tôm đạt 1,8 tỷ USD, tăng 38%.

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản những tháng cuối năm có thể không thuận lợi do ảnh hưởng của lạm phát ở mức cao lan rộng các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, châu Âu khiến cầu sụt giảm trong khi Trung Quốc vẫn áp dụng chính sách zero Covid.

Về khó khăn lạm phát, doanh nghiệp xác định phải thường xuyên tính toán dây chuyền sản xuất, tăng năng lực sản xuất, giảm phế phẩm, phụ phẩm. Tôi cho rằng, trong bối cảnh lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động của tất cả mọi doanh nghiệp, mỗi đơn vị cần có biện pháp tiết kiệm, tối ưu hoạt động sản xuất, tận dụng các nguồn dữ trữ sẵn có.

Với sự chủ động giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả trong hoạt động, tôi tự tin Sao Ta sẽ hoàn thành tất cả chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

Hạ tầng Đèo Cả (HHV): ước LNST 6 tháng tăng 17%, chuẩn bị chào bán cổ phiếu Huy động 2.000 tỷ cho nhiều dự án giao thông

CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả (HHV) cho biết ước tính kết quả sản xuất kinh doanh bán niên hợp nhất năm 2022 với doanh thu đạt hơn 900 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 139 tỷ đồng, tăng khoảng 17% so với cùng kỳ.

Riêng quý 2, Công ty cho biết đạt doanh thu hợp gần 500 tỷ đồng, lợi nhuận ước đạt hơn 60 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu và lợi nhuận HHV đến từ các hoạt động thi công xây lắp, quản lý vận hành, hoạt động của các trạm thu phí BOT.

Năm 2022, với tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát và lưu lượng giao thông tăng trở lại, HHV cũng ghi nhận mức doanh thu từ các trạm thu phí khá khả quan. Theo đó, 6 tháng đầu năm HHV ghi nhận doanh thu từ các trạm thu phí hơn 700 tỷ đồng, đóng góp phần lớn vào doanh thu hợp nhất của doanh nghiệp.

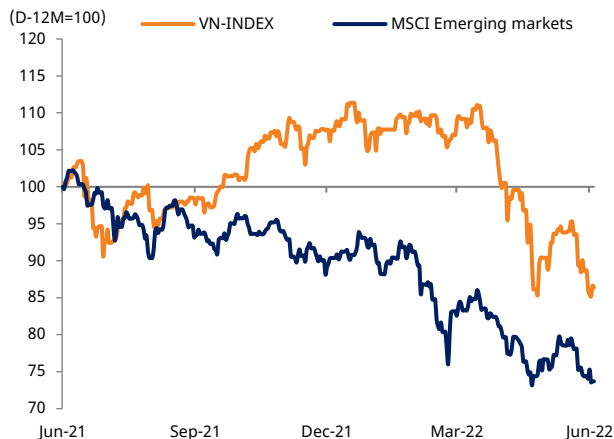
Về hoạt động thi công xây lắp, HHV tiếp tục thực hiện các gói thầu dở dang, trong đó có 12 gói thầu tại dự án cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo với tổng giá trị gần 2.000 tỷ đồng. Doanh thu xây lắp 6 tháng HHV ước đạt 170 tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ năm 2021.

Về hoạt động quản lý vận hành, ngoài các hợp đồng bảo trì, vận hành khai thác các dự án hầm và đường cao tốc trong nhiều năm qua như hầm Hải Vân, hầm Đèo Cả, hầm Cù Mông, cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn... trong 2 quý cuối năm 2022, HHV sẽ là đơn vị quản lý vận hành, khai thác và bảo trì cao tốc, các trạm thu phí của dự án Cao tốc Trung

Lương – Mỹ Thuận (ước tính đem lại doanh thu khoảng 50 tỷ đồng). Bên cạnh đó, HHV cũng được giao quản lý vận hành hầm Mũi Trâu thuộc cao tốc La Sơn – Túy Loan từ tháng 4/2022.

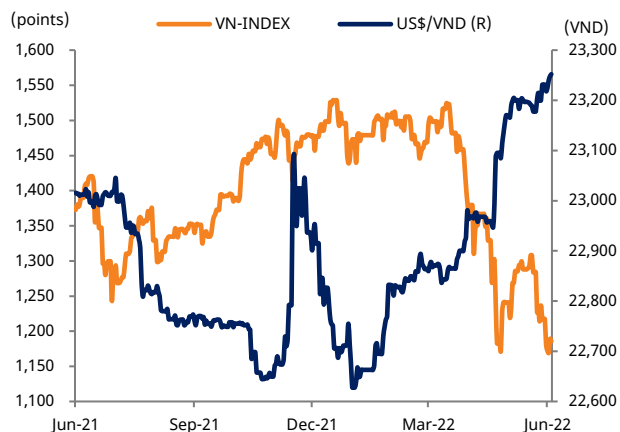
Dự kiến trong quý 2 đến quý 3/2022, HHV sẽ thực hiện phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được quyền mua 1 cổ phần mới). Số tiền thu về dự kiến hơn 2.000 tỷ đồng sẽ được sử dụng để đầu tư vào các dự án cao tốc Cam Lâm Vĩnh Hảo, Trung Lương – Mỹ Thuận, các dự án hạ tầng giao thông khác...

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



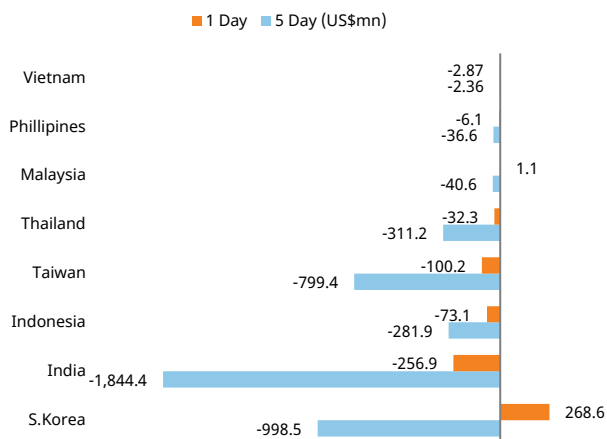
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



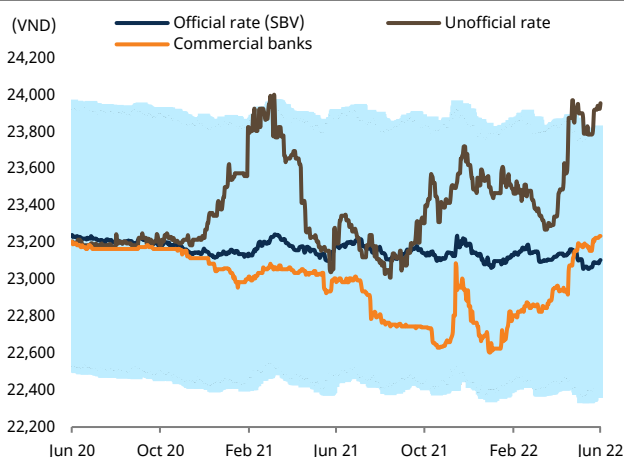
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



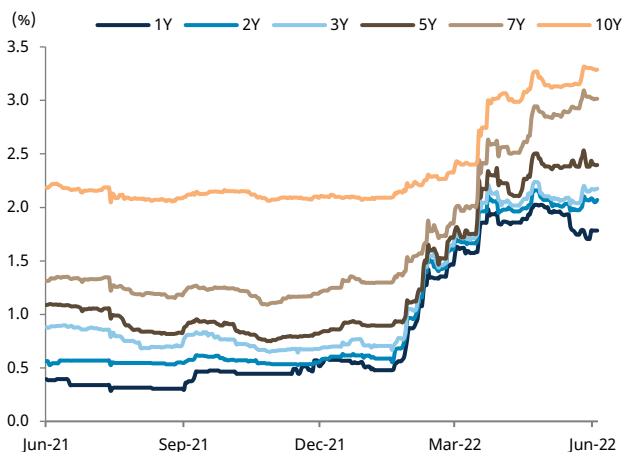
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



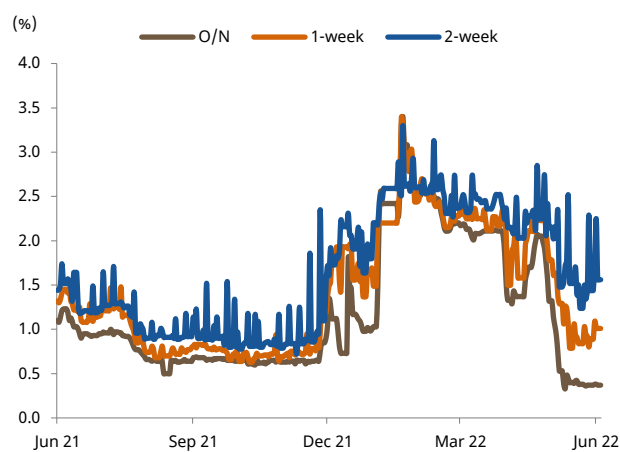
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,235.47	3,302,174		-0.4	-1.8	-2.9	-16.9	11.6	10.4	2.2	1.8	38.5	11.3	19.6	20.9
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	23,800	80,383	37.5	0.2	3.0	3.3	-17.8	8.5	7.6	1.8	1.4	24.6	11.5	23.5	24.9
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	31,200	157,826	16.9	0.6	-1.3	-7.6	-13.2	18.0	11.8	1.9	1.6	50.3	52.4	11.0	16.1
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	54,800	40,679	26.5	4.0	6.4	7.7	-5.5	21.4	17.1	1.9	1.8	21.8	25.3	9.2	11.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	24,750	118,942	26.3	-2.0	5.1	-4.8	-40.2	8.4	5.7	1.3	1.1	18.2	47.6	15.8	18.3
CTCP FPT	FPT VN	85,500	93,797	49.0	0.0	-7.1	4.5	21.1	23.6	17.7	5.2	4.6	21.5	33.4	23.4	26.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	114,000	218,190	2.9	-2.4	-14.9	7.8	19.0	26.2	16.9	4.3	3.7	8.1	54.6	16.8	22.1
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	22,750	91,000	0.5	0.2	0.2	-5.8	-34.6	21.9	18.6	1.9	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	23,000	46,281	17.0	-2.1	-6.5	-6.5	-16.1	7.6	6.2	1.6	1.3	42.5	22.1	23.3	22.4
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	21,800	126,763	21.0	0.0	-6.0	-18.8	-44.0	4.0	4.3	1.4	1.1	151.5	-7.9	42.8	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	38,450	24,721	32.3	0.9	-1.4	-4.1	6.2	21.5	18.0	2.4	2.1	3.1	19.5	12.2	12.9
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	23,700	89,546	23.2	-1.5	1.7	-11.7	-23.8	7.1	5.7	1.5	1.2	53.0	24.1	23.6	24.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	109,500	155,898	28.7	-0.5	-6.4	0.5	23.4	18.1	23.7	4.7	4.0	589.7	-23.8	35.1	18.2
CTCP Thế giới di động	MWG VN	71,900	105,241	48.6	-0.8	-7.5	8.1	49.8	20.8	17.4	5.0	4.5	18.2	19.8	27.3	27.6
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	74,000	144,284	6.1	-1.2	-2.2	-4.1	-15.7	40.7	28.0	4.1	3.6	-18.7	45.4	10.6	15.1
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	52,500	35,261	2.4	0.6	4.4	-1.3	-19.6	19.6	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	40,800	51,840	17.3	0.2	-2.6	2.0	-27.1	22.8	19.0	2.1	2.0	160.6	19.9	9.7	11.0
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	122,000	29,569	49.0	1.2	0.0	13.1	24.4	29.1	19.7	4.6	3.5	-2.6	47.4	17.0	22.3
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,550	31,732	2.3	-2.5	-15.8	5.4	11.5	17.9	16.3	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.3
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	155,600	99,783	62.7	1.4	-0.3	1.0	-9.5	28.3	22.6	4.7	4.2	-22.9	25.4	17.1	20.0
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	18,600	27,717	34.7	0.5	-3.9	-29.6	-40.3	7.6	8.1	1.4	#N/A	100.3	-5.2	21.0	17.4
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	21,200	39,967	21.0	-0.5	4.7	-2.5	-26.9	13.0	12.1	1.2	1.1	30.6	7.4	9.5	11.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	35,500	124,637	22.5	-1.3	2.9	0.7	-30.3	6.9	5.8	1.4	1.1	46.1	20.0	21.7	20.9
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	26,000	41,126	29.9	-1.9	2.0	-15.9	-1.5	8.0	11.2	1.6	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	75,000	354,939	23.6	-1.2	-1.4	-0.8	-13.6	17.9	13.4	3.3	2.6	19.7	33.6	19.6	21.3
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	63,200	275,196	23.4	0.0	-4.2	-5.5	-26.7	7.0	8.6	2.2	1.8	40.9	-18.3	36.9	22.8
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	74,600	284,520	12.3	0.5	-2.6	-3.9	-28.6	#N/A	244.9	2.8	2.8	-145.6	144.5	-2.8	1.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	128,300	69,489	16.8	0.1	2.7	2.4	11.1	923.0	56.5	4.1	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	71,500	149,432	54.5	1.1	7.2	3.8	-19.4	15.8	16.3	4.5	4.4	-5.3	-2.9	29.3	28.0
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	28,150	125,140	17.4	-1.1	0.9	-6.2	-26.1	10.6	6.1	1.6	1.2	11.6	73.2	17.9	21.1
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,550	62,602	31.2	-1.8	-6.1	-2.0	-13.9	47.7	28.2	2.0	1.9	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				Tăng trưởng EPS (%)*		P/E (X)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	-31.82	4,715,004	-0.3	-2.6	-3.9	-14.1	35.2	17.5	13.7	11.7
Ô tô và phụ tùng	-0.03	8,850	1.6	-1.4	0.2	13.1	-0.3	32.4	14.7	11.1
Ngân hàng	3.52	1,426,545	-0.9	1.0	-4.2	-18.9	32.1	28.8	10.3	8.0
Xây dựng cơ bản	-2.92	220,612	-0.3	-4.4	-2.7	26.2	19.9	31.3	12.8	9.7
Dịch vụ thương mại	0.00	5,414	0.6	0.0	2.9	20.9	-5.1	33.5	16.1	12.0
May mặc và trang sức	-0.37	52,384	1.0	-2.3	3.8	13.8	11.7	61.0	17.1	10.6
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	7,315	0.4	0.5	-1.2	-1.7	1,798.5	165.3	74.6	28.1
Dịch vụ tài chính	0.56	103,928	1.2	3.0	-20.4	-17.6	143.8	10.5	6.3	5.7
Dầu khí	-1.02	69,791	-0.2	-5.0	-0.8	-21.6	83.2	9.1	20.9	19.2
Thực phẩm, đồ uống	-0.98	521,740	0.2	-0.3	1.8	5.9	28.6	14.5	19.6	17.1
Y tế	-0.04	2,986	-3.1	-4.6	0.3	59.7	65.3	13.9	21.6	19.0
Bảo hiểm	0.42	54,015	3.0	3.5	5.9	3.4	28.2	-2.5	17.8	18.3
Nguyên vật liệu	-5.28	382,816	0.5	-4.4	-8.0	2.6	118.0	-3.5	6.1	6.4
Dược phẩm	-0.11	28,375	0.1	-1.5	-4.8	-4.3	7.4	5.1	15.3	14.6
Bất động sản	-8.37	1,041,063	0.0	-2.9	-5.9	-16.2	8.0	10.2	18.9	17.1
Bán lẻ	-2.63	123,649	-0.6	-7.2	8.0	85.6	33.8	24.1	12.0	9.7
Phần mềm và dịch vụ	-1.84	100,933	0.5	-6.3	4.3	24.9	22.6	23.3	20.3	16.4
Vận tải	-0.35	180,354	-0.3	-0.6	-2.6	14.3	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	-13.53	351,082	-1.8	-12.6	6.4	20.1	10.1	16.8	19.7	16.9

Nguồn: Bloomberg, (*) Mirae Asset Research dự phóng

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	71,500	7.2	2,485,800	2.6
CTG VN	24,750	5.1	3,941,780	1.5
TCB VN	35,500	2.9	4,557,920	0.9
BVH VN	54,800	6.4	1,306,560	0.6
SSB VN	31,200	4.0	2,109,280	0.6
ACB VN	23,800	3.0	2,578,700	0.6
VJC VN	128,300	2.7	740,900	0.5
LPB VN	13,200	10.0	5,568,480	0.5
STB VN	21,200	4.7	12,897,440	0.5
MBB VN	23,700	1.7	7,176,360	0.4

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	114,000	-14.9	1,574,100	-10.0
VHM VN	63,200	-4.2	3,263,680	-3.2
MSN VN	109,500	-6.4	711,920	-2.8
MWG VN	71,900	-7.5	3,858,380	-2.2
HPG VN	21,800	-6.0	23,681,100	-2.1
VIC VN	74,600	-2.6	1,714,320	-2.0
FPT VN	85,500	-7.1	2,168,080	-1.9
POW VN	13,550	-15.8	24,611,680	-1.6
BCM VN	62,300	-8.0	112,740	-1.5
VCB VN	75,000	-1.4	866,960	-1.4

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.